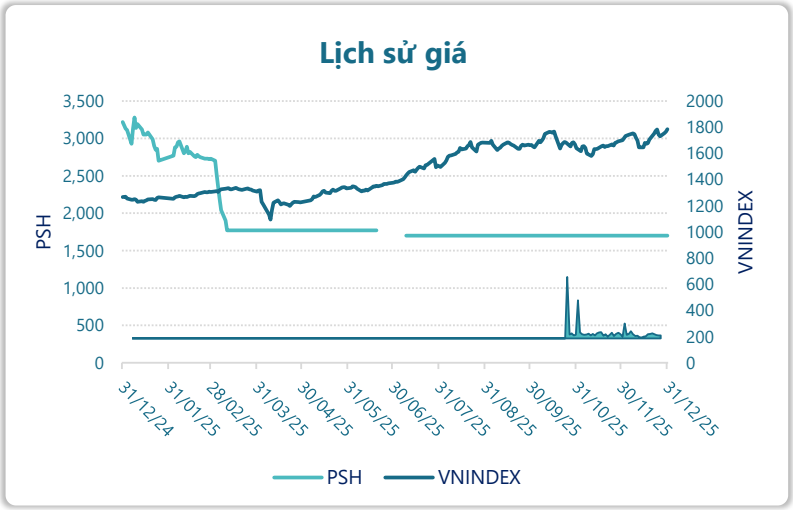
FireAnt

CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu (UPCOM: PSH)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	126,169,780
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	214
P/E	-0.3
EPS	-4,978

DT thuần

Q4/25

-17.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.9|

YoY: ▼77.5| -130%

LN sau thuế

Q4/25

-165

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.0| -9.4%

YoY: ▲ 69.0| 29.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

9374%

+/- YoY: ▲ 9489%

DT thuần

2025

-2.74

tỷ VNĐ

YoY: ▼681| -100%

LN sau thuế

2025

-638

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 152| 19.2%

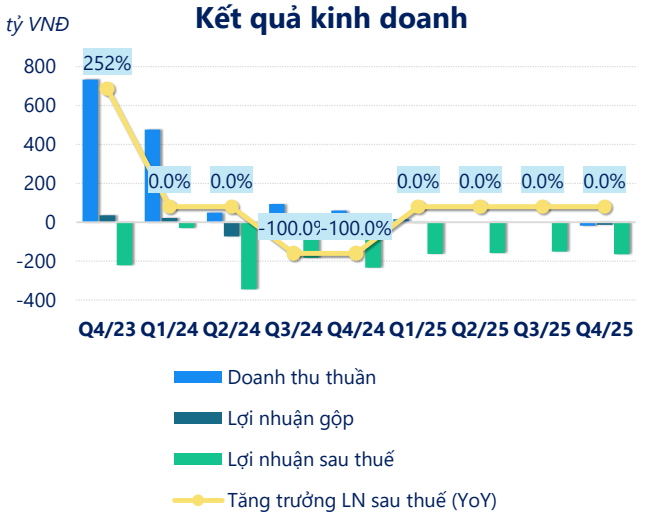
ROE

2025

-130%

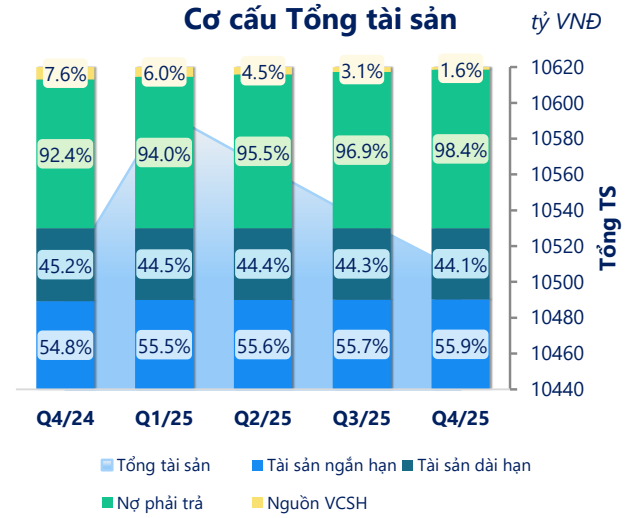
+/- YoY: ▼ 65.8%

Kết quả kinh doanh



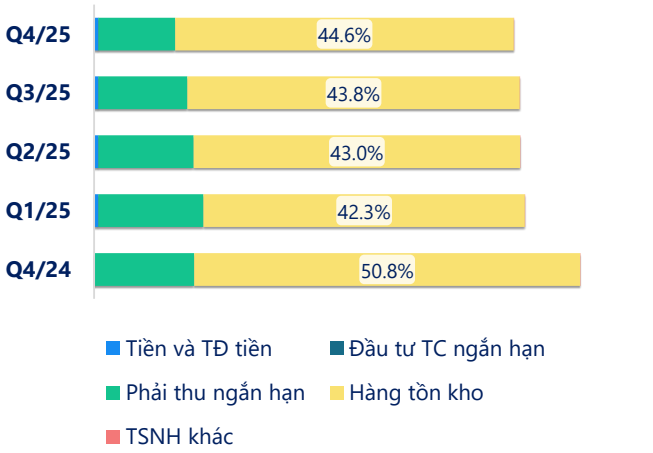
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



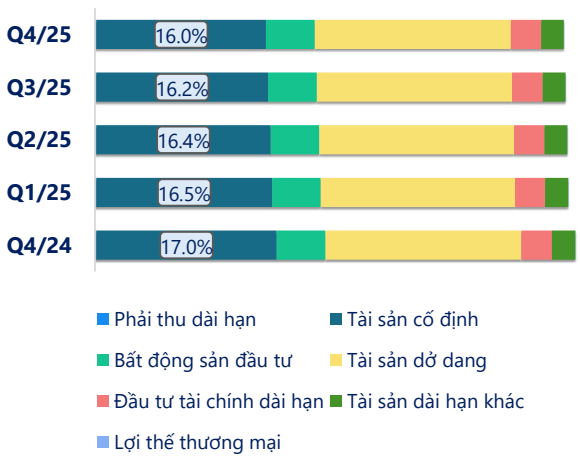
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



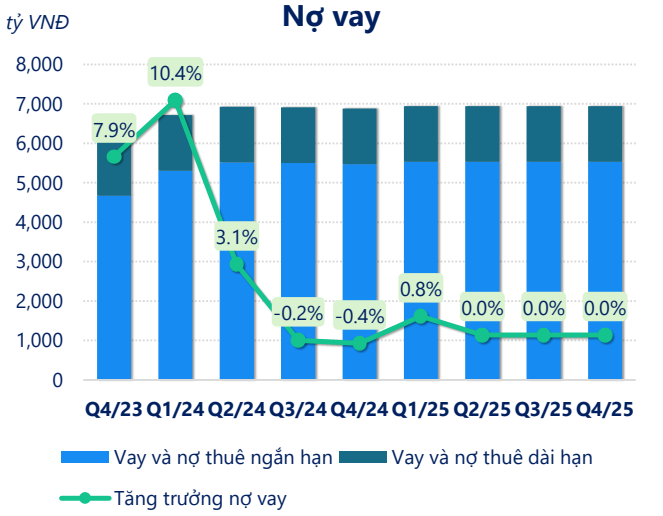
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



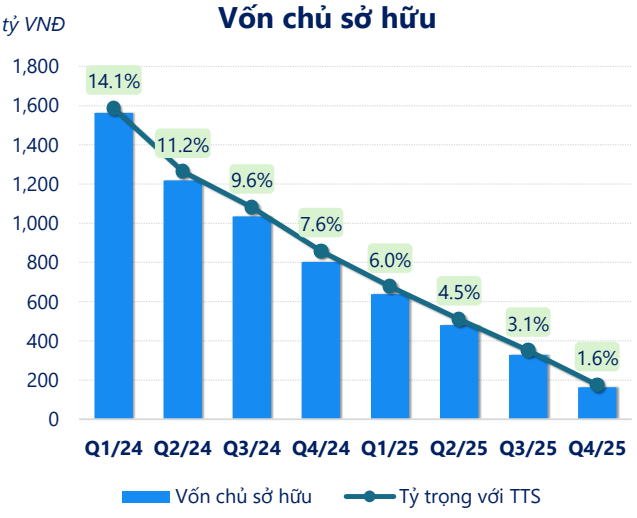
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



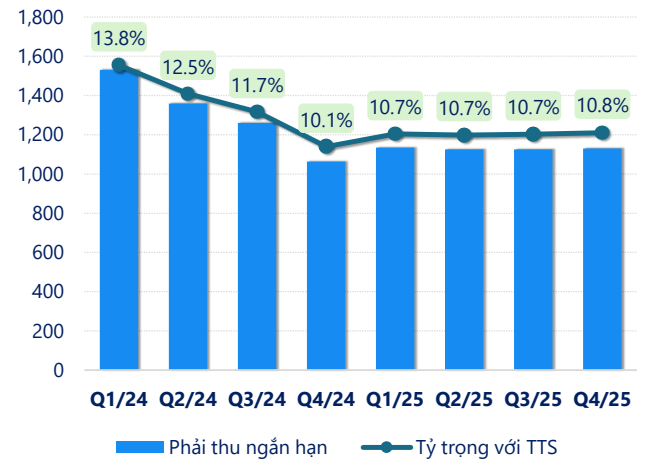
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



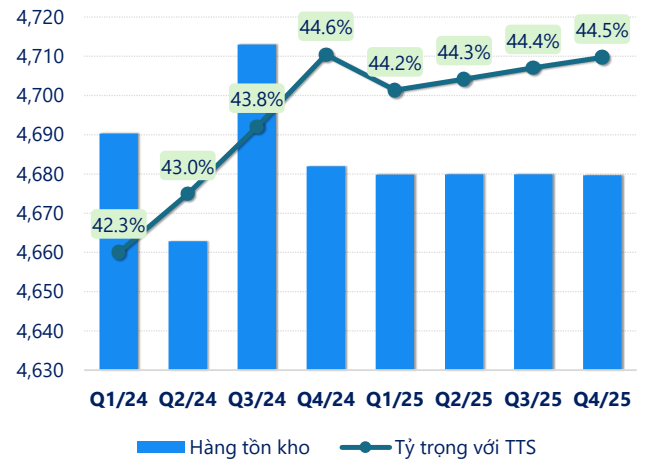
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



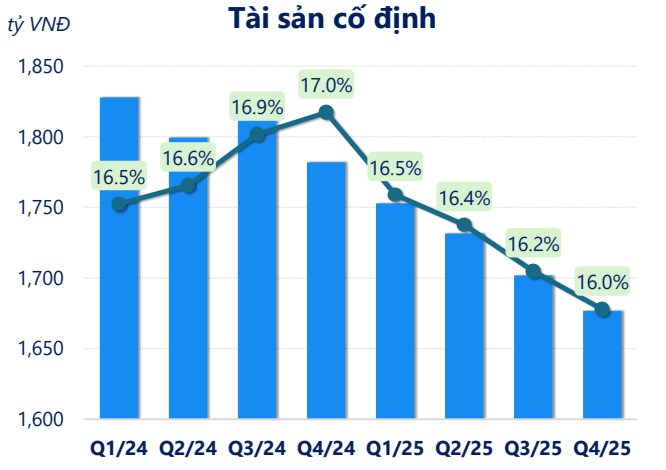
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



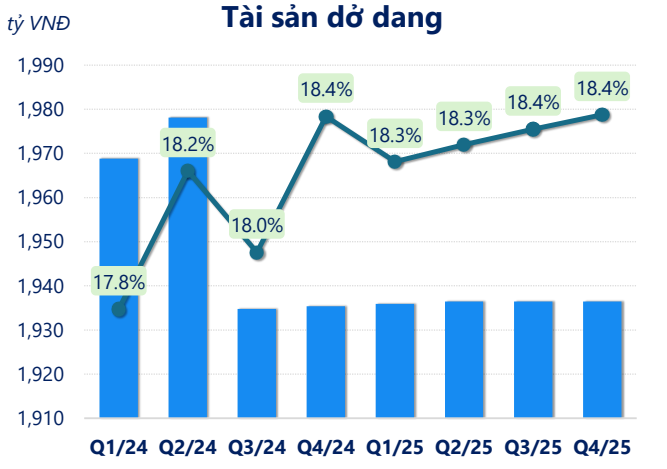
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



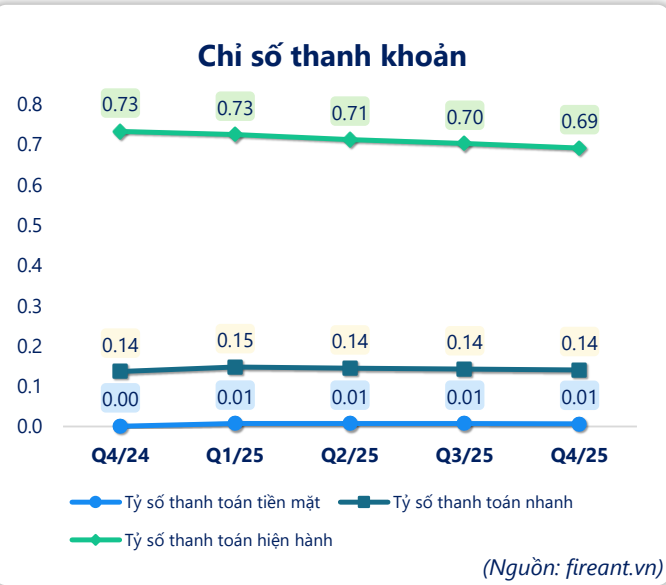
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



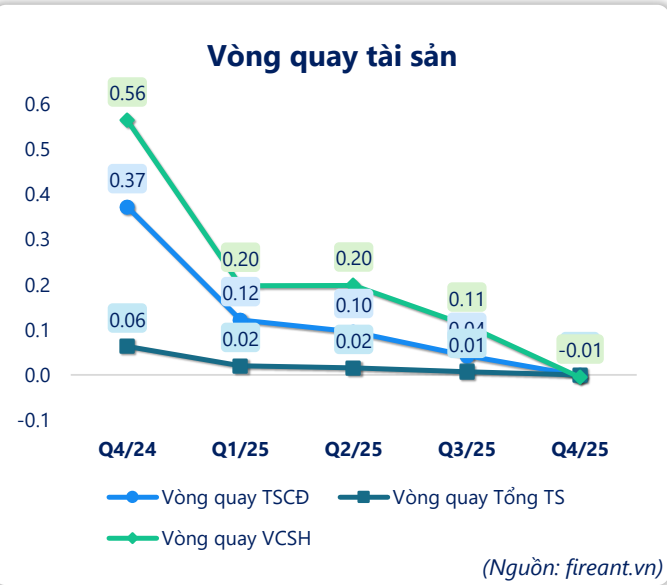
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**10,504**	**10,595**	**10,565**	**10,534**	**10,506**
Tài sản ngắn hạn	**5,755**	**5,878**	**5,870**	**5,870**	**5,873**
Tiền và tương đương tiền	5.23	60.6	60.8	60.8	58.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Phải thu ngắn hạn	1,064	1,134	1,126	1,126	1,131
Hàng tồn kho	4,682	4,680	4,680	4,680	4,680
Tài sản ngắn hạn khác	3.65	3.40	3.61	3.61	3.83
Tài sản dài hạn	**4,749**	**4,717**	**4,694**	**4,664**	**4,633**
Phải thu dài hạn	13.3	13.3	13.3	13.3	13.3
Tài sản cố định	1,782	1,753	1,732	1,702	1,677
Bất động sản đầu tư	482	482	482	482	482
Tài sản dở dang	1,935	1,936	1,936	1,936	1,936
Đầu tư tài chính dài hạn	303	302	302	302	299
Tài sản dài hạn khác	232	230	228	228	225
Lợi thế thương mại	2.14	1.71	1.29	0.86	0.43
Nợ phải trả	**9,702**	**9,957**	**10,085**	**10,206**	**10,343**
Nợ ngắn hạn	**7,851**	**8,105**	**8,233**	**8,354**	**8,491**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,471	5,528	5,528	5,528	5,528
Phải trả người bán ngắn hạn	53.2	53.5	54.8	54.8	54.7
Nợ dài hạn	1,851	1,852	1,852	1,852	1,852
Vay và nợ thuê dài hạn	1,413	1,413	1,413	1,413	1,413
Nguồn vốn chủ sở hữu	**802**	**638**	**480**	**329**	**163**
Vốn chủ sở hữu	**802**	**638**	**480**	**329**	**163**
Vốn điều lệ	1,262	1,262	1,262	1,262	1,262
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)